TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày: 11-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Bút

Ông Phạm Quang Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình- Thư ký của Toà án nhân dân huyện Ba Tơ.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Đinh Văn Ngãi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn D**- Sinh ngày 20 tháng 6 năm 1998; tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: H’re; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L; Vợ Phạm Thị H và 01con sinh năm 2016; Tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26/04/2018 đến nay. (có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hà Văn H – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (theo Quyết định số 49/QĐ-TGPL ngày 14/5/2018 về việc cử luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi). (có mặt)

Địa chỉ: Số 15 đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Nguyên đơn dân sự*: Ban Quản lý rừng phòng hộ K; Địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm T- Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ K. (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1997 (có mặt).

2. Chị Phạm Thị H, sinh ngày 02/02/2000 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người làm chứng:*

1. Anh Triệu Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

2. Phạm Văn R, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người phiên dịch*: Ông Phạm Văn C- Cán bộ Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (phiên dịch tiếng Hre).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7/2017, Phạm Văn D đi thả trâu tại khu vực rừng tự nhiên Nước Rây thuộc tiểu khu 366, thuộc thôn N, xã B, huyện B, nhìn thấy cây rừng thưa, nhỏ, đất rộng nên nảy sinh ý định chặt phá cây rừng để lấy đất trồng cây keo. Sau đó, Phạm Văn D về nhà chuẩn bị 01 cái rựa rồi đi lên khu vực rừng tự nhiên Nước Rây, thuộc lô 30 khoảnh 5 và lô 7 khoảnh 6, tiểu khu 366 xã B, huyện B, dùng rựa phát luỗng dây leo, chặt cây nhỏ trong thời gian 04 ngày, mỗi ngày làm trong khoảng thời gian từ 07h30’ đến 11h00’ và từ 13h30’ đến 17h00’. Sau khi

phát luỗng xong, Phạm Văn D đến nhà Phạm Văn T1 ở cùng thôn Đ, xã B, huyện B thuê Phạm Văn T1 đi phát rẫy trả tiền công, thì được Phạm Văn T1 đồng ý. Sau đó, Phạm Văn D dẫn Phạm Văn T1 và chở vợ là Phạm Thị H đến vị trí mà Phạm Văn D đã phát luỗng trước đó và nói với Phạm Văn T1, Phạm Thị H là đất rẫy của ông bà để lại, đồng thời chỉ khu vực phát dọn cho Phạm Văn T1 và Phạm Thị H biết. Ngày đầu tiên, Phạm Văn T1 và Phạm Thị H dùng rựa phát luỗng dây leo từ 11h00' đến 15h30'. Hai ngày tiếp theo thì Phạm Văn D cùng với Phạm Văn T1 sử dụng máy cưa xăng thay phiên nhau cưa hạ toàn bộ cây lớn trên diện tích đã phát luỗng trước đó trong thời gian từ khoảng 15h30' đến 18h00' thì xong. Sau khi làm xong, Phạm Văn D trả tiền 03 buổi công cho Phạm Văn T1 với số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Đến khoảng đầu tháng 8/2017, chờ cây khô, Phạm Văn D đã đốt cháy toàn bộ cây rừng trên diện tích đã chặt phá rồi thuê Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Văn R, Triệu Văn T đều ở xã B, huyện B, lên diện tích rừng đã chặt phá nói trên, trồng cây keo trong thời gian một ngày. Đến ngày 11/8/2017, kiểm lâm địa bàn phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra, phát hiện vụ việc phá rừng trái pháp luật tại khu vực nói trên, lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ tiếp tục xử lý.

Ngày 25/11/2017, Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi giám định về việc phá rừng tại Lô 30, khoảnh 5 và lô 7 khoảnh 6, tiểu khu 366 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, kết luận: Vị trí: lô 30 khoảnh 5 và lô 7 khoảnh 6, tiểu khu 366 thuộc xã B - Tờ bản đồ theo dõi diễn biến rừng huyện B năm 2016; Diện tích thiệt hại: 8.666 m^2 (Tám ngàn sáu trăm sáu mươi sáu mét vuông); Trạng thái rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo; Mục đích quy hoạch rừng phòng hộ đầu nguồn; Tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại: 62,8015 m^3/ha x 0,8666ha = 54,4238m^3; Tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại: 54,4238m^3 x 55% = 29,9330m^3.

Tuy nhiên, đến ngày 06/03/2018, sau khi làm việc với Phạm Văn D, Phạm Văn T1 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân huyện, Hạt Kiểm lâm huyện, Ban quản lý rừng phòng hộ K và chính quyền địa phương xã B, cùng Phạm Văn D, Phạm Văn T1 tiếp tục tổ chức kiểm tra lại thực địa, xác định ranh giới, mốc giới, vị trí và diện tích rừng Phạm Văn D chặt phá trái phép. Qua đối chiếu trên bản đồ lâm nghiệp, xác định vị trí, diện tích thực tế mà Phạm Văn D chỉ ranh giới chặt phá cây rừng trái pháp luật cụ thể như sau: Vị trí lô 30 khoảnh 5 và lô 7 khoảnh 6, tiểu khu 366 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Diện tích: 7.934 m^2 (Bảy nghìn chín trăm ba mươi bốn mét vuông)

Qua làm việc với Phạm Văn T1, Phạm Văn D cho biết đã chỉ đúng ranh giới, mốc giới diện tích rừng mà Phạm Văn T1 và Phạm Văn D đã chặt phá, còn một phần diện tích rừng bị chặt phá tiếp giáp liền phía trên sườn núi, đo đạc với diện tích 732m^2 thì không phải do Phạm Văn D thực hiện**.**

Ngày 22/03/2018 Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi, có kết luận giám định số: 02/KQGĐ, thay thế kết quả giám định số 11/KQGĐ, ngày 25/11/2017, kết quả như sau: Tại vị trí lô 30 khoảnh 5 và lô 7 khoảnh 6, tiểu khu 366 thuộc xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có rừng bị thiệt hại; Trạng thái rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo; Diện tích thiệt hại: 7.934 m^2 (Bảy nghìn chín trăm ba mươi bốn mét vuông); Tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại: 62,8015 m^3/ha x 0,7934ha = 49,8267m^3; Tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại: 49,8267m^3 x 55% = 27,4046m^3

Ngày 05/6/2018, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Ba Tơ có kết luận số 02/KL-HDĐGTS về việc xác định giá trị tiền bồi thường thiệt hại đối với hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại về rừng theo Điều 8, Quy định về giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (ban hành kèm theo Quyết định số 61/2015/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi), cụ thể như sau: Giá trị lâm sản rừng tự nhiên bị thiệt hại: 12.102.460 đồng; Giá trị môi trường bị thiệt hại: 48.409.840 đồng. Tổng giá trị bị thiệt hại phải bồi thường là 60.512.300đ đồng;

Tang vật vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ đã thu giữ: 01 (một) cái rựa có chiều dài 55cm; phần cán bằng gỗ dài 27,5cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 27,5cm; rộng 0,3cm; 01 (một) cái rựa có chiều dài 68cm; phần cán bằng tre dài 40cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm; rộng 0,4cm và số tiền 200.000đ (của Phạm Văn D bán máy cưa xăng đã sử dụng để chặt phá cây rừng trái phép**.**

Cáo trạng số 08/QĐ-VKS ngày 16 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội "Hủy hoại rừng" quy định tại khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và chấp nhận các khoản bồi thường dân sự theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Nguyên đơn dân sự Đại diên Ban Quản lý rừng phòng hộ K đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về dân sự: Yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản và môi trường với tổng số tiền 60.512.300đ đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội "Hủy hoại rừng". Áp dụng Điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Về dân sự buộc bị cáo bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ K với tổng số tiền là 60.512.300đ đồng

Về vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái rựa có chiều dài 55cm; phần cán bằng gỗ dài 27,5cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 27,5cm; rộng 0,3cm và 01 (một) cái rựa có chiều dài 68cm; phần cán bằng tre dài 40cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm; rộng 0,4cm.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền số tiền 200.000đ của Phạm Văn D bán máy cưa xăng đã sử dụng để chặt phá cây rừng trái phép.

Luật sư Hà Văn H bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện nguyên đơn dân sự, người làm chứng và các tài

liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để có đất sản xuất, bị cáo đã thuê Phạm Văn T1 dùng rựa, máy cưa xăng đốn hạ cây rừng với diện tích là 7.934m^2 , là rừng tự nhiên, chức năng quy hoạch rừng phòng hộ, tại Lô 30, Khoảnh 5 và lô 7, khoảnh 6 , Tiểu khu 366, thuộc xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, là rừng phòng hộ đầu nguồn do Nhà nước quản lý, gây thiệt hại về rừng quy ra thành tiền là: 60.512.300đồng.

Xét thấy hành vi hủy hoại rừng trái pháp luật của Phạm Văn D xảy ra trước ngày 01/01/2018, đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự về tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự 2015 quy định, mức cao nhất của khung hình phạt thấp hơn mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội danh và điều khoản quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự 1999 (từ bảy năm đến mười lăm năm so với từ ba năm đến bảy năm). Vì vậy, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội theo tinh thần Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tài nguyên quốc gia, xâm hại đến sự bền vững của môi trường sinh thái; gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về môi trường, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những biến đổi bất thường về khí hậu nhất là trong tình hình hiện nay diện tích rừng đang ngày càng suy giảm bởi nhiều nguyên nhân trong đó có việc chặt phá rừng trái phép, thì việc bảo vệ rừng có ý nghĩa duy trì sự ổn định của môi trường và khí hậu cũng như để phát triển bền vững về môi trường sinh thái. Tuy nhiên, bị cáo không nhận thức được điều đó, chỉ vì mục đích lấy đất làm rẫy mà hủy hoại rừng nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng răn đe cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng;

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; là người đồng bào dân tộc thiểu số; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mặc dù gia đình khó khăn nhưng cố gắng vay mượn tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đồng để khắc phục hậu quả gây ra; gia đình thuộc diện hộ nghèo, là lao động chính trong gia đình đang có con nhỏ, tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới khung hình phạt là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...", do đó, bị cáo có thể áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định, kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với Phạm Văn T1, Phạm Thị H, Triệu Văn T, Phạm Văn R, là những người được bị cáo thuê phát rừng và trồng keo, làm việc theo sự chỉ đạo của bị cáo và được trả tiền công theo ngày, không có sự thỏa thuận ăn chia, không biết việc chặt phá rừng là trái pháp luật. Hơn nữa, họ đều là đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị thiệt hại về rừng theo Kết luận xác định giá trị tài sản số 02/KL-HDĐGTS ngày 05/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự với số tiền là 60.512.300đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận. Bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ để khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 00130 ngày 20/8/2018 tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[8] Về diện tích rừng là 7.934 m^2 tại khoảnh 9, lô 30 khoảnh 5 và lô 7 khoảnh 6, tiểu khu 366 thuộc xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi bị cáo đã chặt cây rừng tự nhiên lấn chiếm đất trái phép, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã giao quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ K nên buộc bị cáo phải trả lại diện tích đất rừng trên cho Ban quản lý rừng phòng hộ K quản lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng: 02 cái rựa là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định;

Đối với số tiền 200.000đ của Phạm Văn D bán máy cưa xăng đã sử dụng để chặt phá cây rừng trái phép, xét khoản tiền trên có nguồn gốc từ việc bán tài sản do phạm tội mà có nên tịch thu ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí: xét bị cáo Phạm Văn D là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí nên áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1

Điều 12, Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết miễn tiền án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội: "Hủy hoại rừng".

1. Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt Phạm Văn D 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 173 Luật đất đai 2013.

Buộc bị cáo Phạm Văn D phải bồi thường thiệt hại về tài nguyên rừng cho Ban quản lý rừng phòng hộ K với số tiền là 60.512.300đồng (Sáu mươi triệu năm trăm mười hai nghìn ba trăm đồng)

Buộc bị cáo Phạm Văn D phải giao trả 7.934 m^2 đất và cùng toàn bộ tài sản trên diện tích đất mà bị cáo đã chặt cây rừng tự nhiên lấn chiếm đất trái phép, tại lô 30 khoảnh 5 và lô 7 khoảnh 6, tiểu khu 366 thuộc xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho Ban quản lý rừng phòng hộ K quản lý theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 00130 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo việc thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch thu và tiêu hủy 01 (một) cái rựa có chiều dài 55cm; phần cán bằng gỗ dài 27,5cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 27,5cm; rộng 0,3cm và 01 (một) cái rựa có chiều dài 68cm; phần cán bằng tre dài 40cm; phần lưỡi bằng

kim loại dài 28cm; rộng 0,4cm. Đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao ngày 22/8/2018 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 200.000đ của Phạm Văn D theo biên lai thu tiền số 00132 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- VKS H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Ngoan